

Bài báo nghiên cứu TÁC ĐỘNG TỪ CHIẾN LƯỢC “CƯỜNG QUỐC BIỂN” CỦA TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (2012-2022)

Võ Lập Phúc*, Nguyễn Minh Mẫn

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Võ Lập Phúc – Email: 4601608065@student.hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 10-9-2023; ngày nhận bài sửa: 05-12-2023; ngày duyệt đăng: 23-4-2024

TÓM TẮT

Kể từ sau Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2012, chiến lược xây dựng Trung Quốc trở thành “cường quốc biển” được chính thức đưa vào văn kiện. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc hoạch định phương hướng phát triển quốc gia, theo đuổi “giấc mộng Trung Hoa”, “xây dựng toàn diện xã hội khá giả”. Từ quá trình nghiên cứu tài liệu, phân tích chính sách, động thái trên thực địa và phát ngôn của các nhà lãnh đạo Trung Quốc, bài báo nỗ lực làm rõ nội hàm của khái niệm “cường quốc biển” đặt trong tiến trình lịch sử phát triển tư duy biển của Trung Quốc từ thời kì cổ đại đến cận - hiện đại. Qua đó, bài báo phân tích sự tác động của quá trình triển khai chiến lược “cường quốc biển” đối với các quốc gia Đông Nam Á. Kết quả phân tích cho thấy những tác động cụ thể ở một số phương diện: Cấu trúc quyền lực của khu vực, an ninh của khu vực và kinh tế của khu vực. Nội dung phân tích của bài báo có ý nghĩa tham khảo nhất định trong việc thấu hiểu và lí giải động cơ của Trung Quốc trong các hoạt động trở dậy mạnh mẽ trên biển hiện nay, từ đó, cung cấp cái nhìn tổng quan về những ảnh hưởng trong hệ thống quan hệ quốc tế tại khu vực Đông Nam Á.

Từ khóa: Trung Quốc; cường quốc biển; cấu trúc quyền lực; Biển Đông; Đông Nam Á

1. Đặt vấn đề

Khác với những giai đoạn trước, vốn tự xem mình là một quốc gia mang “tính lục địa” điển hình, xem không gian biển chỉ là “tuyến phòng vệ, đường biên giới bảo vệ khu vực nội địa” (Hoang, 2022, pp.53-54), từ sau Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII (năm 2012), mục tiêu “xây dựng cường quốc biển” được Trung Quốc xem là động lực quan trọng, có tính chiến lược nhằm theo đuổi thành công mục tiêu xây dựng “toàn diện xã hội khá giả”, “phục hưng dân tộc Trung Hoa”. Với mục tiêu như vậy, Trung Quốc đã trở dậy mạnh mẽ tại vùng Biển Đông với những hành vi xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền và quyền chủ quyền. Các quốc gia Đông Nam Á, với trung tâm là tổ chức ASEAN, không ngừng thể hiện vai trò chủ động của mình như một “tâm điểm” trong các vấn đề khu vực.

Cite this article as: Vo Lap Phuc, & Nguyen Minh Man (2024). Impacts of China’s “Maritime great power” strategy on Southeast ASIAN countries (2012-2022). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(4), 688-700.

Sự triển khai chiến lược “cường quốc biển” tác động đáng kể đến các quốc gia này ở nhiều phương diện. Vì vậy, việc phân tích làm rõ cơ sở lý luận về chiến lược “cường quốc biển” đặt trong mối tương quan với các hành vi của Trung Quốc tại Biển Đông, đánh giá về sự tác động của các hành vi này đối với các quốc gia khu vực Đông Nam Á trở thành một nhiệm vụ cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao, góp phần cung cấp cái nhìn khách quan, toàn diện về động cơ lợi ích của Trung Quốc và tình hình chung của khu vực.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Cơ sở lý luận về chiến lược “cường quốc biển”

2.1.1. Một số quan niệm về “cường quốc biển” trên thế giới

Ở phương Tây cổ đại, các triết gia và nhà tư tưởng nhận thấy mối liên quan giữa sức mạnh biển và quyền lực. Triết gia Hi Lạp cổ đại, Marcus Cicero, cho rằng: “Ai không chế được đại dương, người đó không chế được thế giới”. Trong tiếng Anh, các cụm từ “naval power”, “sea power” hay “maritime power” được sử dụng để diễn tả những quốc gia có sức mạnh biển vượt trội. Lịch sử đã chứng minh thực tế là hầu hết các nước Tây Âu hùng mạnh ngày trước đều “từng là cường quốc biển trong lịch sử” (Ha et al., 2020, p.28). Quan niệm truyền thống về “cường quốc biển” là một quốc gia có sức mạnh vượt trội trên biển, “có khả năng tham chiến trên và dưới biển” (Nguyen, 2016).

Đến giai đoạn cận hiện đại, nhà tư tưởng hải quân Hoa Kỳ, Alfred Mahan, đã tạo ra một bước đột phá trong tư duy địa - chính trị của cộng đồng quốc tế về sức mạnh biển. Quan điểm của ông được trình bày trong quyển “Ảnh hưởng của sức mạnh biển đối với lịch sử từ năm 1660 đến năm 1783” và được lấy cảm hứng từ tầm nhìn chiến lược của các đời Tổng thống Hoa Kỳ – McKinley và Roosevelt. Nghiên cứu của Mahan, về sau được biết tới như học thuyết “Sức mạnh biển”, lí giải rằng “sức mạnh biển” là sản phẩm của 03 thành tố: (1) thương mại quốc tế, (2) căn cứ hải ngoại, (3) vận chuyển thương mại và hải quân. Theo đó, cường quốc biển là quốc gia sở hữu đầy đủ các thành tố này.

Một số nền văn minh ở phương Đông cũng đã từ sớm có những nhận thức về sức mạnh của biển. Ở Ai Cập cổ đại, các chứng cứ lịch sử đã chứng minh “...có một sự khả thi khi cho rằng nền văn minh Ai Cập cổ đại không chỉ được khẳng định bởi sự tồn tại của dòng sông Nile mà còn là sự phát triển của một Ai Cập trên biển với việc sử dụng sức mạnh biển từ sớm” (Gilbert, 2008, pp.9-11). Sức mạnh biển là thành tố góp phần quan trọng vào sự hình thành của mô hình nhà nước, và là công cụ để các vị vua Ai Cập củng cố quyền lực của mình đối với vương quốc (Gilber, 2008, pp.9-11).

2.1.2. Lịch sử tư duy biển của Trung Quốc qua một số thời kì

Ở thời kì cổ đại

Vào thời cổ đại, người Trung Quốc chủ yếu sinh sống tập trung ở khu vực Trung Nguyên, ba mặt lục địa, chỉ một mặt hướng biển (Ha et al., 2020, p.47). Trữ lượng tài nguyên thiên nhiên dồi dào đủ để người Trung Quốc cổ đại duy trì các nhu cầu cơ bản hàng ngày của họ. Điều này làm hình thành nên ý thức coi trọng nông nghiệp, xem đó là gốc rễ cho sự

phát triển của xã hội (nét văn hóa “dĩ nông vi bản”). Tư duy này tồn tại sâu đậm trong đời sống tư tưởng của người dân Trung Quốc (Chuong & Luu, 2010).

Khi nhà Hạ thống trị hầu như toàn bộ vùng Trung Nguyên và Đông Nam duyên hải, nét văn hóa cơ bản của các tộc người khi ấy là “văn hóa hoàng thổ” (coi trọng đất đai trong sản xuất nông nghiệp, xem nhẹ các nguồn lợi hải dương) (Ha et al., 2020, p.47). Đến thời Xuân Thu – Chiến Quốc, rồi thời Tần, thời Hán, các hoạt động liên quan đến biển được chú trọng thực hiện, nhận thức về nguồn lợi từ biển được nâng cao. Tới thời nhà Đường, các hoạt động trên biển của người dân trở nên sầm uất trong việc giao thương với Nhật Bản, Triều Tiên, Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á, bán đảo Arab (Ha et al., 2020, p.49). Thời nhà Tống đã đưa ngành hàng hải Trung Quốc giai đoạn cổ đại phát triển thêm một bước với sự ra đời của các cơ chế quản lý bằng tô thuế. Cho đến thời Nhà Nguyên, hệ thống tuyến đường buôn bán và thương cảng đã hình thành “Con đường tơ lụa trên biển” thời kì cổ đại.

Thời nhà Minh chứng kiến những thay đổi đáng kể có tác động trực tiếp đến lịch sử hải dương Trung Quốc sau này. Ở giai đoạn đầu, dưới sự trị vì của Minh Thành Tổ, các hoạt động phát kiến địa lí hướng ra biển được thực hiện, tiêu biểu là chuyến đi khám phá của Đô đốc Trịnh Hòa từ năm 1405-1433, đến hơn 30 quốc gia ở vùng Tây Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương (Ha et al., 2020, p.49). Tuy nhiên, từ khi Minh Thái Tổ (Chu Nguyên Chương) lên nắm quyền, nhà Minh đã cho thi hành chính sách “Hải cấm” (hay “Cấm biển”) để hạn chế mọi hoạt động hàng hải và đánh bắt.

Khi nhà Thanh lên thay thế nhà Minh cai quản Trung Quốc, chính sách “Hải cấm” tiếp tục được thi hành với mức độ nghiêm ngặt hơn. Để lí giải cho sự thay đổi trái ngược này, có thể viện dẫn một số lí do cơ bản như sau: (1) Tư duy điển hình về tính trung tâm của lục địa trong đời sống xã hội Trung Quốc khó có thể bị thay thế nhanh chóng; (2) Đặc trưng của tư tưởng “dĩ Hoa vi Trung” và tư tưởng biệt lệ (xem văn hóa của dân tộc Trung Hoa là ưu việt hơn tất cả) (Hoang, 2022, p.49) đã thúc đẩy ưu tiên xây dựng quan hệ triều cống với các nước láng giềng, củng cố vị thế trung tâm của triều đại trên đất liền; (3) Sự hoành hành của nạn cướp biển Nhật Bản tại các vùng duyên hải Trung Quốc đe dọa đến lợi ích của triều đình (Ha et al., 2020, p.51).

Ở thời kì cận hiện đại

Những chuyển biến mạnh mẽ trên vũ đài chính trị thế giới và xã hội Trung Quốc đã thúc đẩy sự tiến triển của tư duy biển. Các cuộc cách mạng cấp tiến ở phương Tây “làm rung chuyển chế độ phong kiến châu Âu” (Nguyen, 2022, p.164), cuộc Duy tân Minh Trị tại Nhật Bản đã giúp cho nước này sở hữu lực lượng hải quân hùng hậu và kĩ thuật hàng hải phát triển vượt bậc. Những nước này nhận thấy sự màu mỡ của thị trường Trung Quốc đông dân, nên đã “chĩa mũi nhọn” và “chia xẻ” Trung Quốc về lợi ích, tiến hành khoảng 470 cuộc tấn công lớn, nhỏ trong các vùng ven biển quốc gia này (Ha et al., 2020, p.52).

Sự thất bại trong chiến tranh Nha phiến vào giữa thế kỉ XIX cùng với áp lực mạnh mẽ từ thế lực xâm lược, Trung Quốc không còn cách khác mà phải chấm dứt chính sách “Hải

cầm”, khai mở nhận thức mới về nguồn lực hải dương. Hai nhà cải cách tư duy biển tiêu biểu trong giai đoạn này là: Lý Hồng Chương và Tôn Trung Sơn.

Một mặt, Lý Hồng Chương đại diện cho trường phái cải cách tư duy biển dựa trên hệ thống chính quyền phong kiến nhà Thanh. Là một quan chức chủ chốt, Lý Hồng Chương đề xuất kế hoạch phòng thủ biển với tên gọi “Trù bị hải phòng đề” nhằm đối phó chủ động trước tình hình Đài Loan bị Nhật xâm lược. Trong kế hoạch này, nhiệm vụ cấp bách là thay đổi “quan niệm về phòng thủ theo kiểu truyền thống với trọng tâm là biên giới vùng Tây Bắc” thành quan niệm về “tính cần thiết của việc xây dựng lực lượng hải quân hùng mạnh kết hợp với việc tận dụng luật quốc tế mang tính chiến thuật về mặt ngoại giao trong quá trình cạnh tranh quốc tế với các quốc gia có chủ quyền” (Cho, 2008, pp.14-15).

Mặt khác, Tôn Trung Sơn là đại diện tiêu biểu trong phong trào dân tộc dân chủ dựa trên lập trường của giai cấp tư sản, là người tiên phong thành lập nhà nước Trung Hoa Dân Quốc để thay thế cho sự nắm quyền vốn đã mục ruỗng của triều đình nhà Thanh phong kiến. Tư duy biển của Tôn Trung Sơn được khắc họa rõ nét qua quan niệm của ông: “... ai nắm được cửa ngõ này (ý nói vùng duyên hải Đông Nam của Trung Quốc) thì có vùng biển màu mỡ với kho báu trong đó”. (Ha et al., 2020, p.56)

Khác với Lý Hồng Chương khi quan niệm về nguồn lực biển chỉ dừng lại ở việc phòng thủ và chú trọng đầu tư vào lực lượng hải quân, tư duy biển của Tôn Trung Sơn là một hệ thống phức hợp nhiều yếu tố, ở nhiều phương diện, bao gồm:

1. Tư tưởng “đĩ hải vi bản” (lấy biển làm gốc): Là tư tưởng thay thế cho quan điểm truyền thống từ thời cổ đại - “đĩ nông vi bản” (lấy nông nghiệp làm gốc), khẳng định biển cả và đại dương là nguồn lực to lớn ảnh hưởng đến “sự hưng thịnh và suy vong của một dân tộc” (Ha et al., 2020, p.57)

2. Tư tưởng “hải quyền” (coi trọng quyền và lợi ích quốc gia biển): Là tư tưởng nhấn mạnh vào mối quan hệ không thể tách rời giữa chủ quyền biển với chủ quyền quốc gia.

3. Tư tưởng “hải phòng” (thực hiện phòng thủ trên biển): Là tư tưởng bảo vệ quyền lợi biển với những cơ chế phòng thủ mạnh mẽ, nhất là hải quân và căn cứ quân sự trên biển.

4. Tư tưởng “hải quân” (phát triển lực lượng hải quân mạnh mẽ): Là tư tưởng mang tính chất quân sự, thể hiện tính cấp bách trong việc theo đuổi xây dựng một lực lượng hải quân mạnh mẽ để quản trị không gian biển.

5. Tư tưởng “đĩ hải hưng quốc” (dùng biển để phục hưng vị thế đất nước): Là tư tưởng coi trọng việc phát triển hải dương, thương mại biển nên cần tích hợp với thương mại lục địa, đường biển đi liền với đường sắt, “ngoại thông nội liên” (Ton, 1985, p.248).

(*) Định nghĩa khái niệm “cường quốc biển” của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

Trước năm 2012, khái niệm “cường quốc biển” còn tương đối mơ hồ. Những năm đầu tiên của thế kỷ mới, cấu trúc “nhất siêu đa cường” từng bước hình thành nhưng chưa rõ nét, Trung Quốc cần phải đầu tư củng cố vững chắc hơn trước những thay đổi đột ngột và thách thức phi truyền thống đang nổi lên. Nhà lãnh đạo Giang Trạch Dân đưa ra khái niệm “an

ninh mới” trong bối cảnh đó. Nội hàm của khái niệm này nghĩa là “nền an ninh quốc gia phải được xây dựng trên một hệ thống an ninh toàn diện” (Hoang, 2022, p.64), kinh tế là nhân tố trọng tâm. Nhận thức về “An ninh mới” đưa tới tư duy biển mới. Theo đó, tính toàn diện của an ninh quốc gia không thể bỏ qua nguồn lực hải dương mạnh mẽ, đủ điều kiện đáp ứng công cuộc “phục hưng dân tộc”. Giang Trạch Dân là nhà lãnh đạo góp phần đưa vấn đề sức mạnh biển lên “tầm cao chiến lược”. Trong đó, cấu trúc cơ bản của an ninh biển phải bảo đảm tính “toàn diện”: an ninh chính trị biển, an ninh kinh tế biển, an ninh quân sự biển, an ninh khoa học biển, an ninh môi trường biển (trong đó, an ninh kinh tế biển là hạt nhân) (Nguyen, 2016). Đây là những khái niệm mới mẻ, đặt những viên gạch đầu tiên xây dựng một Trung Quốc với sức mạnh biển vượt trội sau này.

Chỉ cho đến năm 2012, lần đầu tiên cụm từ “cường quốc biển” được sử dụng chính thức và đưa vào Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tháng 11 năm 2012, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII được tổ chức với sự thay đổi đáng kể trong tư duy xây dựng quốc gia thời kì mới: một Trung Quốc sẵn sàng trở dậy mạnh mẽ, thể hiện “trách nhiệm” với cộng đồng quốc tế, mục tiêu là “xây dựng toàn diện xã hội khá giả” trên con đường “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc”. Trong số những nội dung lớn được xác lập, mục tiêu “xây dựng cường quốc biển” chính thức được sử dụng và đưa lên tầm chiến lược. Báo cáo chính trị của Đại hội được Hồ Cẩm Đào trình bày một cách cụ thể: “Cần nâng cao năng lực khai thác tài nguyên biển, phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường sinh thái biển, kiên quyết bảo vệ quyền và lợi ích biển quốc gia, xây dựng cường quốc biển.” (Nguyen & Dang, 2016)

Dù được đưa vào nội dung chính thức của Văn kiện, phía Trung Quốc chưa công bố một tài liệu nào để định nghĩa rõ ràng thế nào là “cường quốc biển” mà Trung Quốc theo đuổi. Tuy nhiên, thông qua một số quan điểm, phát ngôn từ lãnh đạo cấp cao Trung Quốc, công tác tiếp cận nội hàm “cường quốc biển” của quốc gia này có thể được đúc kết ở những phương diện nhất định. Sau Đại hội XVIII, Cục Hải dương Nhà nước Trung Quốc xuất bản bài báo đề cập về định nghĩa “cường quốc biển”. Cụ thể, đó là “một đất nước với sức mạnh và năng lực toàn diện để phát triển, sử dụng, bảo vệ và kiểm soát đại dương” (Tobin, 2018, p.02). Ở vị trí lãnh đạo hàng đầu, Chủ tịch Tập Cận Bình nhấn mạnh trong buổi học tập của Bộ Chính trị, rằng xây dựng “cường quốc biển” có vai trò hàng đầu đối với hiện thực hóa mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả (全面建成小康社会), thực hiện công cuộc phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa (中华民族伟大复兴), đó là chìa khóa cho một nền kinh tế bền vững và giàu mạnh, nó gắn liền việc bảo vệ chủ quyền và an ninh. Từ việc đúc kết những quan điểm, phát ngôn của giới chức Trung Quốc, có thể kết luận khái quát: “Cường quốc biển”, dưới lăng kính của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, là một đất nước có sức mạnh toàn diện ở nhiều lĩnh vực, lấy kinh tế làm cơ sở, nắm giữ vị thế chủ động trong việc phát triển, sử dụng, bảo vệ và kiểm soát nguồn lực từ biển cả và đại dương nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển đất nước, “phục hưng dân tộc”.

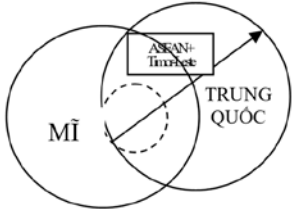
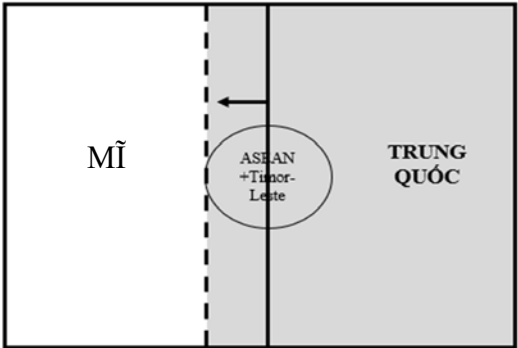
2.2. Tác động từ thực tiễn triển khai chiến lược “cường quốc biển” của Trung Quốc đối với các quốc gia Đông Nam Á (2012-2022)

2.2.1. Đối với cấu trúc quyền lực khu vực

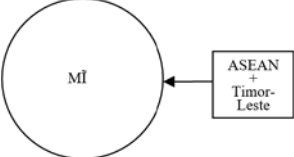
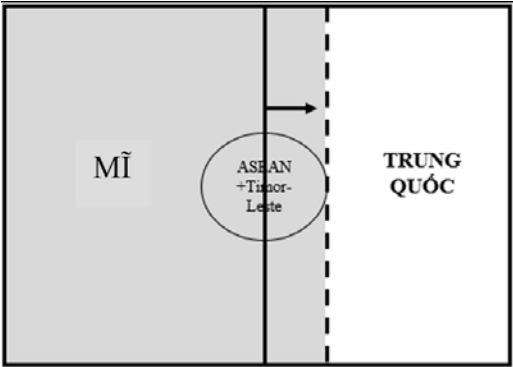
Sự tác động từ thực tiễn triển khai chiến lược “cường quốc biển” của Trung Quốc đối với các nước Đông Nam Á không chỉ dừng lại ở cấp độ quốc gia, mà còn ở cấp độ hệ thống. Điều này tạo ra những chuyển dịch trong quan hệ quốc tế của khu vực Đông Nam Á, và vì vậy, làm thay đổi cấu trúc quyền lực của khu vực này. Nói đến hệ thống quan hệ quốc tế tức là đề cập một “chính thể sống động” (Vu, 2020a, p.90), bao gồm các chủ thể quan hệ quốc tế và mối quan hệ giữa các chủ thể này với nhau. Mỗi quan hệ này cùng sự tương tác qua lại giữa chúng tạo nên “sự sắp xếp quyền lực” (Vu, 2020a, p.90) trong hệ thống, kết quả của quá trình sắp xếp này định hình nên “cấu trúc quyền lực” cho hệ thống quan hệ quốc tế tại khu vực Đông Nam Á. Nói cách khác, hệ thống quan hệ quốc tế được hình thành từ các chủ thể quốc gia và mối quan hệ giữa chúng, các mối quan hệ này được bố trí và phân bổ theo một cấu trúc nhất định, đó là “cấu trúc quyền lực”. “Cấu trúc quyền lực” có được thông qua việc thực thi “quyền lực cấu trúc”² của các chủ thể quốc gia.

Bằng sức mạnh kinh tế và vị thế đại cường, Trung Quốc đã thực thi quyền lực cấu trúc của mình để nỗ lực theo đuổi xác lập một cuộc chơi bất đối xứng về sức mạnh trên biển. Mục đích là để thúc đẩy các nước Đông Nam Á tham gia vào cấu trúc quyền lực do Trung Quốc xác lập trên biển, dần ly khai khỏi cấu trúc do Mỹ dẫn dắt. Việc triển khai chiến lược “cường quốc biển” theo hướng này tạo ra hai mô thức cơ bản:

Bảng 1. Các mô thức chuyển dịch quyền lực chủ yếu tại Đông Nam Á trước sự tác động từ việc thực thi chiến lược “cường quốc biển” của Trung Quốc (2012-2022)

Diễn giải	Mô thức chuyển dịch quyền lực cấu trúc	Mô hình hệ thống quan hệ tại khu vực có được từ sự chuyển dịch
<p>(1) Hình thành mô thức chuyển dịch quyền lực li tâm từ năm 2012 đến năm 2022, trong đó, Trung Quốc tích cực triển khai trên Biển Đông, tập hợp lực lượng các nước Đông Nam Á để tham gia vào cấu trúc do Trung Quốc làm chủ, “li</p>		

² “Quyền lực cấu trúc chính là khả năng của (chủ thể) A định hình hay ảnh hưởng đến các luật lệ hay các mẫu hình quan hệ phổ biến của các cấu trúc quốc tế để thông qua đó, điều chỉnh hành vi của các chủ thể khác theo ý chí của A. (Vu, 2020a, p.39)

<p>tâm” khỏi cấu trúc do Mỹ xác lập. (Tham khảo: Vu, 2020, p.76)</p>		
<p>(2) Hình thành mô thức chuyển dịch quyền lực hướng tâm dần thể hiện rõ nét từ năm 2015³ đến năm 2022, trong đó, các nước Đông Nam Á tìm kiếm sự bảo hộ từ cường quốc khác (cụ thể là Mỹ), xích lại gần hơn, “hướng tâm” vào cấu trúc do siêu cường này làm chủ để bảo vệ lợi ích của mình trước những động thái bành trướng của Trung Quốc trên Biển Đông. (Tham khảo: Vu, 2020, p.79)</p>		

Trên thực tế, cả hai mô thức chuyển dịch này trong cấu trúc quyền lực của khu vực không tách biệt nhau, mà đan cài, diễn ra chồng lên nhau một cách phức tạp.

Đối với mô thức (1): Tận dụng tính bất đối xứng quan hệ với các nước Đông Nam Á, Trung Quốc tạo ra sức ép đáng kể để cố gắng đưa các quốc gia này vào “cuộc chơi” của mình. Bằng công cụ kinh tế, Trung Quốc sử dụng các gói hỗ trợ và đầu tư “khủng” để lôi kéo các nước đứng về lập trường của mình trong vấn đề Biển Đông. Năm 2016, sau sự kiện Tòa Trọng tài thường trực (PCA) tuyên bố Philippines thắng kiện trong vụ việc về “đường chín đoạn”, Trung Quốc đã đưa ra cam kết về việc đầu tư khoản tiền 1,7 tỉ USD để thu mua

³ Năm 2015 là thời điểm quan hệ đối thoại ASEAN – Hoa Kỳ được nâng cấp thành quan hệ đối tác chiến lược và cũng là thời điểm mà Hoa Kỳ ban hành “Chiến lược an ninh hàng hải châu Á – Thái Bình Dương” để đưa vấn đề biển, đảo vào chương trình nghị sự trọng điểm và làm sâu sắc hơn mối quan tâm của nước này.

900.000 tấn gạo cùng với các sản phẩm của Philippines, và cho chính quyền Manila khoản vay 500 triệu USD nhằm mua các trang thiết bị quân sự cần thiết (Ngo, 2017, p.25). Điều này đã khiến động thái trên trường quốc tế của Philippines nghiêng sang Trung Quốc, điển hình là việc Philippines đã tận dụng vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2017 để bảo vệ Trung Quốc trước các chỉ trích về hoạt động “cải tạo đất đá và quân sự hóa ở vùng biển tranh chấp” trên Biển Đông. Trong quan hệ Campuchia - Trung Quốc, Trung Quốc trở thành “chủ nợ” lớn nhất của Campuchia trong những dự án về cơ sở hạ tầng với khoản vay hơn 03 tỉ USD để xây dựng hệ thống cầu, đường tại Campuchia. Lấy đó làm cơ sở, Trung Quốc và Campuchia luôn có quan hệ kinh tế không tách rời, đưa đến sự ràng buộc nhất định trong lập trường về biển đảo (Bao, 2021). Đầu năm 2023, cả hai nước còn tổ chức cuộc tập trận trên biển lần đầu tiên trong vùng biển Campuchia (Nhat, 2023). Trong mô thức này, Trung Quốc tích cực khai thác mối quan hệ bất đối xứng với các nước khu vực Đông Nam Á để buộc chặt lợi ích vào chính quyền Bắc Kinh, lôi kéo họ tham gia vào một cấu trúc do mình làm chủ. Trung Quốc đã tác động làm các quốc gia Đông Nam Á ít nhiều “hướng tâm” vào mình, “li tâm” dần khỏi Mỹ trong vấn đề an ninh hàng hải.

Đối với mô thức (2): Trước sự trỗi dậy của Trung Quốc, một số quốc gia khu vực lựa chọn củng cố quan hệ với Mỹ để tìm kiếm “sự bảo hộ” của siêu cường này. Năm 2015, chính quyền Washington D.C cụ thể hóa mối quan tâm của mình thông qua “Chiến lược an ninh hàng hải châu Á – Thái Bình Dương”. Động thái này cho thấy Mỹ đang có chuyển biến rõ nét về lập trường từ chỗ “trung lập thụ động” đến “trung lập tích cực” và rồi sang “lập trường cứng rắn” (Cuong, 2019). Trong cùng năm, Mỹ đã đưa tàu khu trục tên lửa USS Lassen trực tiếp tiến vào khu vực mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền phi lý trên Biển Đông. Một số nhà quan sát cho rằng, động thái của Mỹ nhằm mục tiêu củng cố lòng tin của các đồng minh truyền thống trong khu vực, đặc biệt là Philippines, cũng như để bày tỏ lập trường ủng hộ Việt Nam (Cooper & Perlez, 2015). Trong khi vào giai đoạn sau sự kiện thắng kiện năm 2016, Philippines luôn cố gắng cải thiện quan hệ với Trung Quốc, như một “người bạn tốt”, thì đến năm 2020, dưới những tác động gây ra bởi đại dịch Covid-19 và hành động thách thức của Trung Quốc trong việc thực thi chiến lược “cường quốc biển”, chính quyền Manila dưới thời Tổng thống Duterte có sự chuyển hướng đối nghịch, gác lại chương trình nghị sự thân Trung để thúc đẩy hơn nữa “quan hệ truyền thống đồng minh an ninh” với Mỹ. Đầu năm 2021, luật hải cảnh mới của Trung Quốc hợp pháp hóa việc sử dụng vũ khí đối với tàu thuyền của nước ngoài khi chủ quyền quốc gia, quyền chủ quyền và quyền tài phán Trung Quốc bị xâm phạm trên biển (Kieu Anh, 2021). Động thái này càng khiến tạo ra những bất ổn trong khu vực, “đẩy” Philippines xa khỏi quỹ đạo của Trung Quốc, “hướng tâm” hơn vào cuộc chơi của Mỹ. Kết quả là tháng 02 năm 2023, “Thỏa thuận Hợp tác Quốc phòng Tăng cường” giữa Philippines và Mỹ được kí kết, đồng nghĩa với việc Mỹ được sử dụng thêm 04 căn cứ quân sự ở những vị trí đặc địa trong phạm vi chủ quyền của Philippines (Binh, 2023). Tương tự với trường hợp của Indonesia, các hoạt động hợp tác giữa chính quyền Jakarta và

Washington được chú trọng mạnh mẽ, nhất là trong giai đoạn sau năm 2020, tập trung vào những hoạt động hợp tác quân sự, bao gồm quân sự trên biển. Cuộc tập trận chung mang tên “Lá chắn Garuda” đã được Mỹ và Indonesia phối hợp thực hiện vào tháng 4 năm 2022, mở rộng sự tham gia từ 14 nước trong toàn khu vực châu Á – Thái Bình Dương, hướng đến một khu vực “tự do và mở”. Từ đó có thể thấy, trong mô thức này, một số quốc gia Đông Nam Á cố gắng chuyển dịch khỏi quỹ đạo chiến lược của Trung Quốc, tiến sâu hơn vào “chiếc ô bảo hộ” của Mỹ nhằm đối trọng lại với Trung Quốc. Việc triển khai chiến lược “cường quốc biển” của Trung Quốc đã làm một số quốc gia Đông Nam Á “hướng tâm” hơn nữa vào cấu trúc do Mỹ dẫn dắt.

2.2.2. Đối với an ninh khu vực

Dưới góc độ an ninh truyền thống, Trung Quốc đầu tư ngân sách quốc phòng lên đến 147 tỉ USD vào năm 2016 (Ha et al., 2020, p.147), trong đó, một trong những công tác chủ yếu là hiện đại hóa hải quân, “với các đại dự án như đóng tàu sân bay và xây dựng căn cứ tàu ngầm hiện đại” (Ha et al., 2020, p.147). Trung Quốc sở hữu và làm chủ công nghệ sản xuất nhiều loại tàu hải quân: tàu ngầm hạt nhân, tàu ngầm tấn công thông thường, tàu sân bay, tàu đổ bộ... Trung Quốc còn hiện đại hóa hệ thống giám sát không gian biển bằng những công nghệ hàng đầu như: hệ thống giám sát dưới đáy biển, hệ thống định vị toàn cầu Bắc Đẩu. Tháng 4 năm 2012, Trung Quốc sử dụng sức mạnh hải quân, dùng nhiều loại tàu chấp pháp và trang bị quân sự để gây sức ép lên Philippines và giành quyền kiểm soát bãi cạn Scarborough. Tháng 7 năm 2012, “thành phố Tam Sa” được tự lập ở đảo Phú Lâm do Trung Quốc chiếm đóng trái phép từ Việt Nam. Năm 2014, Trung Quốc sử dụng sức mạnh hải quân và lực lượng chấp pháp cùng dân binh biển tăng cường các hoạt động bảo vệ giàn khoan Hải Dương 981 trong quá trình khai thác trái phép tại vùng biển Việt Nam. Tháng 3 năm 2021, khoảng hơn 300 tàu Trung Quốc tập trung ở đá Ba Đồi thuộc cụm Sinh Tồn ở đảo Trường Sa của Việt Nam. Phía Philippines đã nêu kết quả quan sát và kết luận các tàu này do dân quân biển của Trung Quốc điều khiển, có hành vi dọa dẫm và khiêu khích các tàu từ nước khác. Gần đây nhất vào tháng 11 năm 2023, hải cảnh Trung Quốc còn sử dụng tới biện pháp vũ lực như xịt vòi rồng và các tác động có nguy cơ va chạm để gây sức ép với các tàu tiếp tế của Philippines đi vào vùng biển gần bãi Cỏ Mây mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền trái pháp luật. Có thể nhận thấy, từ sau năm 2012, để hiện thực hóa và đẩy mạnh tham vọng “cường quốc biển”, Trung Quốc đã thực hiện một loạt các hành động quyết liệt, và hung hăng để làm chủ lợi ích của mình. Điều này đã khiến cho cục diện an ninh của khu vực trở nên căng thẳng. Vấn đề Biển Đông được đưa vào chương trình nghị sự của hầu hết mọi Hội nghị Bộ trưởng ASEAN và Hội nghị lãnh đạo cấp cao ASEAN nhằm thúc đẩy các bên tìm kiếm giải pháp hòa bình, thúc đẩy tiến trình đàm phán COC trên Biển Đông. Những tác động trên phương diện an ninh truyền thống còn được thể hiện qua “cuộc chiến công hàm” diễn ra giữa Trung Quốc và các nước khu vực. Trong giai đoạn đại dịch Covid-19 bùng nổ, chính quyền Bắc tạn dụng sự khủng hoảng xã hội tại khu vực để đẩy nhanh các hành vi xâm phạm

chủ quyền biển. Các nước Đông Nam Á và các nước có lợi ích liên quan đã đồng loạt phản đối mạnh mẽ hành động từ Bắc Kinh bằng việc quyết liệt đệ trình các công hàm lên Liên Hợp Quốc. Từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020 đã có 10 quốc gia gửi công hàm nêu lập trường phản đối hành vi xâm phạm luật biển quốc tế của Trung Quốc, 04 nước trong số đó thuộc khu vực Đông Nam Á (Philippines, Malaysia, Indonesia, Việt Nam) (Cuong, 2020). Cuộc chiến trên phương diện pháp lí càng làm rõ hơn cục diện an ninh phức tạp và thách thức mà chiến lược “cường quốc biển” do Trung Quốc đang gây ra.

Dưới góc độ an ninh phi truyền thống: Dưới thời Tập Cận Bình, Trung Quốc đã “đưa an ninh phi truyền thống lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chiến lược an ninh” (Hoang, 2022, p.98). Trong đó, vấn đề an ninh năng lượng trở thành mối quan tâm chủ yếu, có liên hệ mật thiết với việc triển khai chiến lược “cường quốc biển”. Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế và xã hội đông dân khiến Trung Quốc trở thành “nước tiêu dùng năng lượng lớn nhất thế giới” (Ha et al., 2020, p.206). Vì vậy, Trung Quốc luôn tiếp cận các mỏ dầu khí ở Biển Đông. Tập đoàn Dầu khí nước sâu Trung Quốc (CNOOC) đưa vào sử dụng giàn khoan Hải Dương 981 để khai thác giếng dầu Lệ Loan 6-1 ở Bắc Biển Đông, hạ đặt giàn khoan này trong vùng biển trái phép ở Việt Nam để tiếp tục khai thác vào năm 2014. Số lượng giàn khoan dầu của Trung Quốc tiếp tục tăng cao và hoạt động thường xuyên. Các hành động vượt quá tuyên bố chính trị và cam kết của Trung Quốc liên quan đến khai thác năng lượng có thể làm khởi phát một cuộc đua năng lượng trong khu vực Đông Nam Á, trong đó, không chỉ có sự tham gia của Trung Quốc, các nước khu vực, mà thậm chí là những cường quốc... Hệ lụy là: (i) sự suy giảm đáng kể trữ lượng tài nguyên năng lượng ở Biển Đông, (ii) tác hại đến hệ sinh thái biển do những chất thải từ hoạt động công nghiệp khai thác, (iii) xoáy sâu hơn nữa vào tình trạng mất cân đối của khu vực, đào sâu khoảng cách trong trình độ phát triển.

2.2.3. Đối với kinh tế khu vực

Những tác động từ chiến lược “cường quốc biển” đối với kinh tế khu vực được thể hiện ở nhiều phương diện phức tạp, vừa trực tiếp, vừa gián tiếp. Trong đó, nội dung về việc xây dựng “con đường tơ lụa trên biển thế kỉ XXI” nằm trong sáng kiến “Vành đai và Con đường” của Trung Quốc là một yếu tố quan trọng. Theo đó, Trung Quốc đề xuất sáng kiến này dựa trên cơ sở lịch sử về “con đường tơ lụa” kết nối Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á từ hơn 2.000 năm trước. Trung Quốc mong muốn “khôi phục” con đường này và phục vụ cho sự nghiệp kinh tế thế kỉ mới. “Quỹ hợp tác trên biển Trung Quốc - ASEAN” là nguồn lực quan trọng, góp phần hiện thực hóa ý tưởng này. Trung Quốc hỗ trợ Malaysia 02 tỷ USD để nâng cấp cảng Kuantan – một cửa ngõ quan trọng kết nối con đường vận chuyển hàng hóa ra vào thị trường ASEAN và khu vực châu Á – Thái Bình Dương (Ha et al., 2020, p.342), tăng cường kết nối với Malaysia thông qua “Bản ghi nhớ Hợp tác xây dựng tổ hợp cảng biển ‘Cửa ngõ Malacca’” để thúc đẩy phát triển du lịch và tăng cường sự liên kết văn hóa. Trung Quốc phối hợp cùng Indonesia để cải tạo, nâng cấp cảng Tanjung Sauh, định hướng cảng

này trở thành cảng trung chuyển nhiên vật liệu, đưa đảo Batam thành “trung tâm trung chuyển chủ lực của Indonesia”. Phối hợp Myanmar xây dựng đường ống dẫn dầu và khí đốt để sử dụng tốt hơn nguồn năng lượng phục vụ cho hoạt động kinh tế. Nhìn chung, các hoạt động triển khai phát triển kinh tế trong phạm vi chiến lược “cường quốc biển” của Trung Quốc thể hiện rõ sức vóc và tham vọng của một đại cường quốc trỗi dậy. Không phủ nhận rằng cơ chế đầu tư từ Trung Quốc thật tạo ra nguồn trợ lực để các quốc gia khu vực đầu tư vào sự năng động của nền kinh tế biển, quảng bá tốt hơn văn hóa và bản sắc quốc gia. Song, nhiều dự án hạ tầng từ phía Trung Quốc không đạt được kết quả như kì vọng, thậm chí, phát sinh làn sóng hoài nghi lẫn phản đối từ các nước Đông Nam Á đối với động cơ lợi ích của Trung Quốc trong những giải pháp kinh tế này.

3. Kết luận

Trong suốt lịch sử phát triển của mình, Trung Quốc đã có những biến thiên không ngừng trong tư duy biển. Đến năm 2012, tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII, vấn đề xây dựng “cường quốc biển” chính thức được đưa vào văn kiện, trở thành một mục tiêu quan trọng trong nỗ lực xây dựng “xã hội khá giả toàn diện” và “phục hưng dân tộc”. Kể từ cột mốc đó, Trung Quốc đã ráo riết triển khai nhiều hoạt động trỗi dậy trên biển, đặc biệt là Biển Đông. Điều này vô hình trung đã tạo ra những tác động sâu rộng đối với các nước khu vực Đông Nam Á trên nhiều phương diện: (i) cấu trúc quyền lực của khu vực, (ii) an ninh của khu vực, (iii) kinh tế của khu vực.

Đứng trước thực tế này, các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, cần thể hiện sự khéo léo khi thực hành chiến lược ngoại giao. Quá trình triển khai chiến lược “cường quốc biển” của Trung Quốc sẽ kéo theo sự can thiệp quyết liệt hơn của các cường quốc, đặc biệt là Mỹ, khiến cho cấu trúc quyền lực trở nên phức tạp. Các nước khu vực cần phải liên kết chặt chẽ để tìm kiếm lập trường lợi ích chung thỏa đáng. Bởi sự hạn chế trong tiềm lực và quy mô kinh tế, các nước Đông Nam Á cần phát huy tốt hơn vai trò của ASEAN để khẳng định lập trường của mình, không đánh đổi chủ quyền quốc gia dân tộc vì lợi ích kinh tế nhất thời, không để phụ thuộc vào quyết sách của các thế lực bên ngoài. Đồng thời, các nước cũng cần theo đuổi hiệu quả việc duy trì cân bằng trong quan hệ với các nước lớn, đầu tư phát triển sức mạnh nội sinh, xem nội lực quốc gia là nhân tố quyết định.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bao Duy (2021). *Trung Quốc thành chủ nợ lớn nhất của Campuchia* [China becomes Cambodia's largest creditor]. <https://tuoitre.vn/trung-quoc-thanh-chu-no-lon-nhat-cua-campuchia-20210831160402798.htm>
- Binh Giang (2023). *Mi - Philippines sẽ nối lại tuần tra chung trên Biển Đông* [U.S.-Philippines to resume joint patrols in South China Sea]. <https://tienphong.vn/my-philippines-se-noi-lai-tuan-tra-chung-tren-bien-dong-post1507279.tpo>
- Cuong, C. P. (2019). *Chính sách Biển Đông của Hoa Kỳ trong bối cảnh mới* [The policy of U.S on South China Sea in the new context]. Social Science Publishing House.
- Cuong, K. H. (2020). “Cuộc chiến” công hàm: Giải quyết vấn đề Biển Đông dựa trên luật pháp quốc tế [“War” on diplomatic note: Resolving the South China Sea issue based on international law]. <https://vov.vn/chinh-tri/cuoc-chien-cong-ham-giai-quyet-van-de-bien-dong-dua-tren-luat-phap-quoc-te-818087.vov>
- Cho, B. H. (2008). Cơ cấu phòng thủ đường biển thời Thanh mạt [Qingmin Dynasty maritime defense structure]. *Now and Then Journal*, 315.
- Chuong, V., & Luu, S. (2010). Tăng cường ý thức biển toàn dân: Con đường tất yếu thành cường quốc biển [Strengthening people's maritime awareness: The inevitable path to becoming a maritime great power]. *Chinese Jinan Party School Newspaper*.
- Gilber, G. (2008). *Ancient Egyptian Sea Power and The Origin of Maritime Forces* [Sức mạnh biển của Ai Cập cổ đại và Nguồn gốc của các lực lượng hải dương]. Sea Power Centre.
- Hoang, H., A. (2022). *Chiến lược an ninh đối ngoại mới của Trung Quốc – Sự lựa chọn cho vị trí siêu cường* [China's New Foreign Security Strategy - The Choice for Superpower Status]. Social Science Publishing House.
- Ha, A. T., Hoang, T. L., & Nguyen, D. D. (2020). *Một số vấn đề về chiến lược cường quốc biển của Trung Quốc* [Some issues of China's maritime power strategy]. National Political Publishing House.
- Kieu Anh (2021). *Trung Quốc đẩy Philippines ngày càng xích lại gần Mi* [China pushes Philippines closer and closer to U.S]. <https://vtc.vn/trung-quoc-day-philippines-ngay-cang-xich-lai-gan-my-ar610280.html>
- Ngo, T. M. D. (2017). Chiến lược cường quốc biển của Trung Quốc: Một số động thái hiện thực hóa và đối sách của các quốc gia có liên quan [The maritime great power strategy of China: Some moves to realize and policy of relevant countries]. *Social Science Information*, (12), 20-27.
- Nguyen, H. S., Dang, C., T. (2016). *Bản vẽ chiến lược cường quốc biển của Trung Quốc sau Đại hội XVII* [On China's maritime power strategy after the XVIII Congress]. https://nghiencuubiendong.vn/ban-ve-chien-luoc-cuong-quoc-bien-cua-trung-quoc-sau-dai-hoi-xviii.49085.anews#_ftn1
- Nguyen, T. Q. H. (2022). Nhật Bản đối ứng với sự xâm nhập của phương Tây giữa thế kỷ XIX [Japan responds to Western incursions in the mid-nineteenth century]. *Journal of Foreign Studies*, 38(2), 162-169.
- Nhat, D. (2023). *Trung Quốc và Campuchia tập tran trên biển lần đầu tiên* [China and Cambodia conduct maritime drills for the first time]. <https://tuoitre.vn/trung-quoc-va-campuchia-tap-tran-tren-bien-lan-dau-tien-20230320122818732.htm>

- Tobin, L. (2018). Underway - Beijing's Strategy to Build China into a Maritime Great. *Naval War College Review*, 71(2), 17-48.
- Ton, T. S. (1985). *Ton Trung Son toan tap [Ton Trung Son in full]*. China.
- Vũ, D. H. (2020a). *Giao trình phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế [Textbook of international relations research methods]*. National Political Publishing House.
- Vũ, V. A. (2020b). *Chuyển dịch quyền lực cấu trúc trong quan hệ quốc tế - Lý luận và Thực tiễn [Shifting structural power in international relations - Theory and Practice]*. World Publishing House.

**IMPACTS OF CHINA'S "MARITIME GREAT POWER" STRATEGY
ON SOUTHEAST ASIAN COUNTRIES (2012-2022)**

Vo Lap Phuc*, Nguyen Minh Man

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

**Corresponding author: Vo Lap Phuc – Email: 4601608065@student.hcmue.edu.vn*

Received: September 10, 2023; Revised: December 05, 2023; Accepted: April 23, 2024

ABSTRACT

Since the 18th National Congress of the Communist Party of China in 2012, the strategy of building China into a "maritime great power" has been officially announced. This strategy carries vital significance for China's national development, pursuit of the "Chinese dream," and goal of achieving "a moderately prosperous society in all respects." By examining official documents, policies, practical activities, and statements from Chinese leaders, this article attempts to clarify the concept of "maritime great power" within the historical context of China's maritime mindset from ancient to modern times. Furthermore, the article sheds light on the potential impacts of implementing the "maritime great power" strategy on Southeast Asian countries, particularly in terms of regional power dynamics, security considerations, and economic implications. The analysis offers a useful reference for understanding China's motives and assessing the influences on the international relations system in Southeast Asia.

Keywords: China; maritime great power; power structure; South China Sea; South East Asia